THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 339/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2011/QH13 ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2012;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU KINH TẾ

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo lộ trình và bước đi phù hợp để đến năm 2020 cơ bản hình thành mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, bảo đảm chất lượng tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập hệ thống đòn bẩy khuyến khích hợp lý, ổn định và dài hạn, nhất là ưu đãi về thuế và các biện pháp khuyến khích đầu tư khác, thúc đẩy phân bố và sử dụng nguồn lực xã hội chủ yếu theo cơ chế thị trường vào các ngành, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động, năng suất các yếu tố tổng hợp và năng lực cạnh tranh.

b) Hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý trên cơ sở cải thiện, nâng cấp trình độ phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế; phát triển các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng cao từng bước thay thế các ngành công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp để trở thành các ngành kinh tế chủ lực.

c) Từng bước củng cố nội lực của nền kinh tế, chủ động hội nhập quốc tế và củng cố vị thế quốc gia trên trường quốc tế, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

3. Quan điểm tái cơ cấu kinh tế

a) Tiếp tục đổi mới tư duy, phân định rõ vai trò, chức năng của Nhà nước và của thị trường theo hướng giảm thiểu các rào cản, tạo động lực khuyến khích chuyển dịch, phân bổ và sử dụng các yếu tố sản xuất, nhất là vốn và nguồn nhân lực lao động theo tín hiệu của thị trường. Nâng cao năng lực và hiệu lực quản trị quốc gia, phát huy vai trò kiến tạo và hỗ trợ phát triển của Nhà nước thông qua các cơ chế, chính sách, đòn bẩy kinh tế, giảm thiểu sử dụng các biện pháp can thiệp hành chính.

b) Kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững; ưu tiên mục tiêu trung và dài hạn, chất lượng tăng trưởng; gắn tăng trưởng kinh tế với kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc truyền thống tiêu biểu, bảo vệ và thân thiện với môi trường, phát triển kinh tế xanh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng.

c) Thúc đẩy phát huy lợi thế cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế và của các địa phương; coi trọng và phát huy các lợi thế về nông nghiệp, phát triển mạnh kinh tế dịch vụ, du lịch; hướng đến xây dựng cơ cấu kinh tế với các ngành kinh tế chủ lực làm trọng tâm và phát triển đa dạng các loại hình và ngành, nghề kinh doanh, có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình phát triển kinh tế, xã hội trong nước và ngoài nước theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh, ổn định và bền vững.

d) Thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính ở các ngành, các cấp, nhất là các cấp địa phương, cơ sở

theo hướng bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Trung ương và phát huy sự chủ động, sáng tạo của các cấp địa phương, cơ sở.

đ) Tiếp tục mở cửa, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế; thu hút sự hưởng ứng và tham gia tích cực của người dân và các thành phần kinh tế, nhất là khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài để huy động tối đa và sử dụng ngày càng hiệu quả hơn các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

4. Định hướng tái cơ cấu một số lĩnh vực chủ yếu

a) Duy trì môi trường kinh tế vĩ mô thuận lợi, ổn định

- Thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng, hiệu quả; sử dụng linh hoạt, hiệu quả các công cụ của chính sách tiền tệ; gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tài khóa nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô và bảo đảm tăng trưởng hợp lý, phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội đất nước trong từng thời kỳ.

- Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, hiệu quả, triệt để tiết kiệm. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thu, chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; bảo đảm cân đối ngân sách nhà nước theo kế hoạch ngân sách nhà nước trung hạn, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội đất nước; giảm dần bội chi ngân sách nhà nước, duy trì tỷ lệ nợ công ở mức hợp lý, bảo đảm lành mạnh hóa tài chính quốc gia.

- Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ các mặt hàng nhập khẩu không khuyến khích, các mặt hàng trong nước đã sản xuất được. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trong nước.

- Tăng cường huy động nguồn lực phục vụ cho mục tiêu đầu tư phát triển; các ngành, các cấp chủ động xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp tạo môi trường thuận lợi để tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư.

- Tăng cường kiểm soát giá cả, thị trường; bảo đảm cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu; theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường trong và ngoài nước, kịp thời áp dụng các biện pháp điều tiết cung cầu, bình ổn thị trường. Thực hiện nhất quán chủ trương quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đối với điện, than, xăng dầu, dịch vụ công theo lộ trình với mức độ và thời gian điều chỉnh phù hợp để bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm phát.

b) Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các trọng tâm tái cơ cấu kinh tế

- Về tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công:

+ Huy động hợp lý các nguồn lực cho đầu tư phát triển, bảo đảm tổng đầu tư xã hội khoảng 30% - 35% GDP, duy trì ở mức hợp lý các cân đối lớn của nền kinh tế

như: tiết kiệm, đầu tư và tiêu dùng, ngân sách nhà nước, cán cân thương mại, cán cân thanh toán quốc tế, nợ công và nợ nước ngoài quốc gia,…

+ Duy trì tỷ trọng đầu tư nhà nước hợp lý, khoảng 35% - 40% tổng đầu tư xã hội; hàng năm tăng dần tiết kiệm từ ngân sách nhà nước cho đầu tư; dành khoảng 20% - 25% tổng chi ngân sách cho đầu tư phát triển. Đổi mới cơ bản cơ chế phân bố và quản lý sử dụng vốn, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán và lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư nhà nước.

+ Mở rộng tối đa phạm vi và cơ hội cho đầu tư tư nhân, nhất là tư nhân trong nước. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư tư nhân vào phát triển hạ tầng, phát triển các ngành, các sản phẩm có lợi thế, có tiềm năng phát triển và các vùng kinh tế động lực.

- Về tái cơ cấu hệ thống tài chính - ngân hàng, trọng tâm là các tổ chức tín dụng

+ Trong giai đoạn 2013 - 2015, tập trung lành mạnh hóa tình trạng tài chính của các tổ chức tín dụng, trước hết tập trung xử lý nợ xấu của cả hệ thống các tổ chức tín dụng và từng tổ chức tín dụng, tập trung phát triển các hoạt động kinh doanh chính, bảo đảm khả năng thanh toán, chi trả và phát triển ổn định, bền vững, tập trung xử lý tình trạng sở hữu chéo và tăng tính minh bạch trong hoạt động của các tổ chức tín dụng.

+ Cơ cấu lại căn bản, triệt để và toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng để đến năm 2020 phát triển được hệ thống các tổ chức tín dụng đa năng theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc với cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô và loại hình, có khả năng cạnh tranh cao hơn và dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về các dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế. Không để xảy ra đổ vỡ và mất an toàn hoạt động tín dụng, ngân hàng; đảm bảo chi trả đầy đủ và kịp thời cho người gửi tiền; giảm thiểu tổn thất, chi phí xử lý những vấn đề rủi ro phát sinh của hệ thống các tổ chức tín dụng.

+ Nâng cao vai trò, vị trí chi phối, dẫn dắt thị trường của các tổ chức tín dụng Việt Nam, bảo đảm các ngân hàng thương mại nhà nước và các ngân hàng thương mại có cổ phần chi phối của Nhà nước thực sự là lực lượng chủ lực, chủ đạo của hệ thống các tổ chức tín dụng. Phấn đấu đến cuối năm 2015 hình thành được ít nhất từ một đến hai ngân hàng thương mại nhà nước hoặc ngân hàng thương mại có cổ phần chi phối của Nhà nước chi phối đạt trình độ khu vực về quy mô, quản trị, công nghệ và năng lực cạnh tranh.

+ Rà soát, đánh giá, phân loại để có phương án xử lý thích hợp đối với các ngân hàng thương mại cổ phần, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng khác, tập trung trước hết vào các tổ chức tín dụng yếu kém hoặc vi

phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật; giám sát chặt chẽ quá trình xây dựng và triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt tại các tổ chức tín dụng. Tăng cường các thiết chế an toàn, chấn chỉnh hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tín dụng vi mô, củng cố và xử lý các tổ chức yếu kém; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này hoạt động bình thường, tiếp tục phát triển về quy mô, năng lực quản trị điều hành và an toàn thanh khoản. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động và cạnh tranh bình đẳng tại Việt Nam; khuyến khích việc hợp tác, liên kết với các tổ chức tín dụng Việt Nam trong phát triển sản phẩm, đổi mới quản trị, hiện đại hóa ngân hàng và đặc biệt trong việc xử lý những vấn đề khó khăn của các tổ chức tín dụng Việt Nam trong quá trình tái cơ cấu.

- Về tái cơ cấu doanh nghiệp, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước

+ Thực hiện phân loại, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, tập trung vào các lĩnh vực chính gồm công nghiệp quốc phòng, các ngành, lĩnh vực công nghiệp độc quyền tự nhiên hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và một số ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ cao có sức lan tỏa lớn; đẩy mạnh cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu các doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% sở hữu. Đối với từng tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư và ngành nghề kinh doanh, tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính; đẩy nhanh thực hiện theo nguyên tắc thị trường việc thoái vốn nhà nước đã đầu tư vào các ngành không phải kinh doanh chính hoặc không trực tiếp liên quan đến ngành kinh doanh chính và vốn nhà nước ở các công ty cổ phần mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối.

+ Đổi mới, phát triển và tiến tới áp dụng đầy đủ khung quản trị hiện đại theo thông lệ tốt của kinh tế thị trường đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Thực hiện nghiêm pháp luật, kỷ cương hành chính nhà nước và kỷ luật thị trường, đổi mới hệ thống đòn bẩy khuyến khích bảo đảm doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường và cạnh tranh bình đẳng như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

+ Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân; khuyến khích hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân có tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

c) Đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành sản xuất, dịch vụ, điều chỉnh chiến lược thị trường, tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của nền kinh tế

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trong nội bộ từng ngành thực hiện chuyển dần từ tiểu ngành, sản phẩm hoặc

công đoạn sản xuất sử dụng công nghệ thấp, năng suất thấp và giá trị gia tăng thấp sang tiểu ngành, sản phẩm hoặc công đoạn sản xuất có hàm lượng khoa học công nghệ cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất và giá trị gia tăng cao.

- Khai thác và tận dụng tốt lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao đạt các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến về an toàn vệ sinh thực phẩm; kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, với chuỗi giá trị toàn cầu đối với các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới như: cà phê, cao su, lúa gạo, cá da trơn, tôm, hạt tiêu, hạt điều, các loại hải sản khác, các loại rau, quả nhiệt đới,... Duy trì quy mô và phương thức sản xuất đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng đối với các sản phẩm, nhóm sản phẩm có nhu cầu nội địa lớn nhưng khả năng cạnh tranh trung bình như các sản phẩm chăn nuôi, đường,…

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất công nghiệp cả theo ngành kinh tế kỹ thuật, vùng và giá trị mới, tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm; chuyển mạnh từ gia công, lắp ráp là chủ yếu sang chế tạo và chế tác, kết nối với mạng sản xuất và chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu đối với các ngành, sản phẩm hiện có lợi thế cạnh tranh như chế biến lương thực, thực phẩm, thủy và hải sản, nước giải khát, may mặc, giày da và các sản phẩm da,... Tập trung phát triển một số ngành ưu tiên và công nghiệp hỗ trợ như hóa dầu, điện tử và công nghiệp công nghệ thông tin, luyện kim, cơ khí chế tạo, công nghiệp xanh và năng lượng tái tạo, phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp,… để cải thiện và nâng cấp trình độ phát triển của nền kinh tế.

- Đa dạng hóa loại hình dịch vụ và nâng cao trình độ phát triển của các ngành dịch vụ; tập trung phát triển các ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh như: dịch vụ thương mại, dịch vụ xây dựng, khách sạn, nhà hàng, du lịch, viễn thông, tài chính - ngân hàng, dịch vụ logistics, giáo dục và đào tạo, chăm sóc y tế, các loại dịch vụ sản xuất nông nghiệp; đồng thời, hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch với sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, có năng lực cạnh tranh tầm khu vực và quốc tế.

- Tiếp tục đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước; coi trọng và phát triển mạnh thị trường trong nước kết hợp với tăng cường xúc tiến thương mại, mở các thị trường mới (Ấn Độ, các nước Nam Á khác, châu Phi và Trung Đông, Mỹ La-tinh); ưu tiên khai thác và tận dụng tối đa cơ các cơ hội từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm, chiến lược (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, ASEAN, Úc); tập trung khai thác hiệu quả các thị trường truyền thống (Nga, Đông Âu).

d) Tiếp tục tái cơ cấu, xây dựng và phát triển cơ cấu vùng kinh tế hợp lý

- Phát huy tiềm năng và lợi thế của từng vùng với tầm nhìn dài hạn để thực hiện phân bổ lại các ngành sản xuất, dịch vụ hợp lý, tạo sự khác biệt về cơ cấu kinh tế giữa các địa phương và giữa các vùng.

- Tăng cường phối hợp, bổ sung và kết nối giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng để cùng phát triển, khắc phục tình trạng đầu tư trùng lặp, thiếu liên kết giữa các địa phương trong vùng.

- Tiếp tục ưu tiên phát triển vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực lôi kéo và lan tỏa phát triển đến các địa phương trong vùng, đến các vùng khác và cho cả nền kinh tế; lựa chọn và huy động nguồn lực để tập trung phát triển một số khu kinh tế, khu công nghiệp tạo thành các trung tâm kinh tế mạnh về kinh tế biển.

II. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của môi trường kinh doanh quốc gia

a) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương:

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến các lĩnh vực đột phá chiến lược, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới kết hợp với tăng cường hiệu quả, hiệu lực tổ chức triển khai thực hiện.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở pháp lý vững chắc thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế; nghiên cứu xây dựng các dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ luật hình sự (sửa đổi), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hợp nhất).

- Nâng cao chất lượng xây dựng các dự án Luật, Pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thẩm định đối với các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Kiểm soát chặt chẽ và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản quy phạm pháp luật.

- Triển khai đồng bộ cơ chế theo dõi thi hành pháp luật, trong đó đề cao trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về môi trường kinh doanh theo hướng:

- Tháo bỏ rào cản, bãi bỏ hoặc bổ sung, sửa đổi các quy định lạc hậu, không phù hợp với cơ chế thị trường, với hội nhập kinh tế quốc tế; tạo cơ chế khuyến khích đầu

tư đủ hấp dẫn và khả thi, trước hết là các ưu đãi về thuế và các biện pháp khuyến khích đầu tư khác để mở rộng và tăng thêm cơ hội đầu tư và kinh doanh cho khu vực kinh tế tư nhân; nâng cao hiệu lực và chất lượng quản trị quốc gia để cải thiện và nâng cấp chất lượng môi trường kinh doanh.

- Tiếp tục đơn giản hóa, giảm thủ tục hành chính; giảm chi phí thực thi thủ tục hành chính và pháp luật đối với nhân dân và doanh nghiệp.

- Không xây dựng, ban hành các quy định cấm hoặc hạn chế quyền kinh doanh của người dân và doanh nghiệp vì lý do yếu kém về năng lực và trình độ quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, các quy định không phù hợp với điều kiện và cuộc sống thực tế của đa số nhân dân và doanh nghiệp; khắc phục tình trạng ban hành quy định mới không bảo đảm tính khả thi, không thực hiện được hoặc thực hiện không hiệu quả, gây tổn hại đến lợi ích chính đáng của nhân dân và doanh nghiệp.

c) Các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển lành mạnh, bền vững thị trường bất động sản theo hướng:

- Bảo đảm phát triển các khu đô thị, các dự án kinh doanh bất động sản phù hợp với quy hoạch được duyệt và nhu cầu của thị trường; có cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích phát triển nhà ở xã hội, cải thiện điều kiện nhà ở cho nhân dân, trước hết là người nghèo, đối tượng chính sách ở các đô thị.

- Đối với các dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, chỉnh trang đô thị, thực hiện quy hoạch cả phần diện tích đất bên cạnh công trình kết cấu hạ tầng, vùng phụ cận để thu hồi đất, tạo nguồn lực từ đất đai đầu tư cho các công trình này, hỗ trợ hợp lý người có đất bị thu hồi và tăng thu ngân sách nhà nước. Ưu tiên cho người bị thu hồi đất ở được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng theo quy định của pháp luật.

- Rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý quy hoạch, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch sử dụng đất; nghiên cứu và có giải pháp phù hợp để thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản, tạo thuận lợi cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Trong giai đoạn 2013 - 2015, tập trung xử lý tồn kho về bất động sản, điều chỉnh cơ cấu nguồn cung phù hợp với nhu cầu thực tế của nhân dân về nhà ở, nhất là phân khúc thị trường nhà ở xã hội; rà soát, đánh giá và phân loại các dự án đô thị và nhà ở; đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục chuyển đổi, điều chỉnh cơ cấu dự án, quy mô căn hộ; tạo điều kiện hạ giá thành sản phẩm xây dựng phù hợp với nhu cầu có khả năng thanh toán của dân cư, nhất là các nhu cầu về nhà ở xã hội.

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan:

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách quản lý ngoại tệ và vàng; triển khai đồng bộ các giải pháp khắc phục tình trạng đô-la hóa nền kinh tế, giảm dần và tiến tới xóa bỏ việc sử dụng ngoại tệ, vàng làm phương tiện thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam, tập trung ngoại tệ vào hệ thống các tổ chức tín dụng.

- Từng bước tự do hóa thận trọng các giao dịch vốn phù hợp với cam kết quốc tế, đồng thời bảo đảm kiểm soát có hiệu quả luồng chu chuyển ngoại tệ trong nền kinh tế và qua biên giới và các rủi ro liên quan đến các luồng vốn vào - ra.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ, đồng bộ và có hiệu quả các thị trường tiền tệ, đặc biệt là thị trường phái sinh tiền tệ, thị trường ngoại tệ và thị trường vàng để huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; bảo đảm các hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng được thực hiện một cách an toàn, lành mạnh và đúng pháp luật.

- Đổi mới cơ chế phân bổ tín dụng đầu tư của Nhà nước theo hướng đảm bảo tiếp cận công bằng, bình đẳng và minh bạch đối với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế.

đ) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp lý về tài chính, ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các ngành, các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

- Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện lộ trình cải cách phù hợp về chính sách phí sử dụng kết cấu hạ tầng theo hướng bảo đảm khả năng thu hồi chi phí đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho việc huy động vốn đầu tư từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài vào các dự án cơ sở hạ tầng.

- Tái cơ cấu thị trường chứng khoán và các định chế tài chính liên quan theo hướng: cơ cấu lại, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các loại hàng hóa trên thị trường chứng khoán; cơ cấu lại cơ sở các nhà đầu tư theo hướng đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư, mở rộng cơ sở nhà đầu tư có tổ chức, chuyên nghiệp; sắp xếp lại các tổ chức kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bảo hiểm theo hướng nâng cao năng lực tài chính, chất lượng dịch vụ và phòng ngừa rủi ro; phát triển thị trường chứng khoán với tiêu chí niêm yết, giao dịch, công bố thông tin, hệ thống quản trị điều hành, quản trị rủi ro theo chuẩn mực chung và phù hợp với thông lệ quốc tế.

e) Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Tiếp tục mở cửa thị trường các ngành, lĩnh vực kinh doanh độc quyền tự nhiên hoặc do các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thống lĩnh hoặc giữ thị phần chi phối; hạn chế dần và kiểm soát có hiệu quả vị thế độc quyền hoặc thống lĩnh thị trường của các doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực này; xem xét, theo dõi sát

diễn biến kinh tế vĩ mô, đẩy nhanh thực hiện lộ trình áp dụng cơ chế giá thị trường trong cung ứng các dịch vụ công, dịch vụ hạ tầng.

- Tiếp tục kế thừa và phát huy kết quả Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính; tiếp tục đột phá về đơn giản hóa và hợp lý hóa hệ thống thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực quản lý nhà nước như quản lý và sử dụng đất, đầu tư và xây dựng, hải quan, thuế, quảng cáo, vận tải hàng hóa và xuất nhập khẩu, vệ sinh, an toàn thực phẩm,...

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin quốc gia về doanh nghiệp, tiếp tục nâng cao chất lượng, đơn giản hóa thủ tục và giảm chi phí đăng ký doanh nghiệp.

g) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách và chất lượng thể chế trong phạm vi ngành, lĩnh vực và địa phương thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được giao.

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch, gắn chiến lược với quy hoạch, kế hoạch, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan quản lý ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp lý về quy hoạch; khẩn trương xây dựng trình Quốc hội ban hành Luật quy hoạch. Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới quy trình và phương pháp lập quy hoạch, bảo đảm phù hợp với thực tế.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và liên kết giữa các loại quy hoạch; bảo đảm cụ thể hóa những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tính gắn kết hệ thống giữa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước, quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

- Đổi mới, nâng cao tính liên kết, đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất theo hướng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải tổng hợp, cân đối, phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả đất đai cho các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và đơn vị hành chính; quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất phải phù hợp với các chỉ tiêu, tiến độ sử dụng đất được phân bổ trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thực hiện lồng ghép, quản lý chặt chẽ yêu cầu

bảo vệ môi trường vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng xây dựng, bảo đảm chế tài thực hiện các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch đô thị; tăng cường tính công khai, minh bạch đối với các loại quy hoạch.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy hoạch ở các Bộ, cơ quan, địa phương, nhất là sự kết hợp giữa quy hoạch vùng với quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; giảm thiểu tình trạng điều chỉnh sớm và với tần suất cao các quy hoạch đã được duyệt, nhất là quy hoạch cơ sở hạ tầng đô thị; thực hiện đúng trình tự, thủ tục về xây dựng, thẩm định và phê duyệt theo quy định đối với các trường hợp sửa đổi, bổ sung quy hoạch.

- Tổng hợp, báo cáo về công tác quy hoạch, tình hình triển khai các quy hoạch và kịp thời đề xuất với cấp có thẩm quyền xử lý những tồn tại trong công tác quản lý và thực hiện quy hoạch.

b) Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương rà soát, đánh giá, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền đối với quy hoạch phát triển hạ tầng giao thông phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 đã được Đại hội Đảng XI thông qua, Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

c) Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm, quy hoạch vùng, địa phương và các quy hoạch khác để thực hiện các nội dung, định hướng tái cơ cấu kinh tế, nhất là tái cơ cấu ngành, lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, bảo đảm phù hợp với từng vùng, phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương, gắn kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và đảm bảo phát triển bền vững.

- Rà soát, cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp theo hướng sử dụng hiệu quả nhất nguồn đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã được giao đất, có biện pháp xử lý phù hợp đối với các dự án sai quy hoạch; kiên quyết thu hồi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất đối với những dự án đầu tư không triển khai hoặc triển khai chậm so với quy định của pháp luật đất đai, bất động sản.

- Trong giai đoạn 2013 - 2015, tập trung hoàn thiện và công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm quan trọng thuộc diện ưu tiên phát triển; xóa bỏ tình trạng quy hoạch treo trước năm 2015.

- Hàng năm, xây dựng báo cáo về thực trạng công tác quy hoạch, công khai, minh bạch hóa quy hoạch, kết quả thực hiện quy hoạch và các vấn đề liên quan gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ được phân công:

- Chịu trách nhiệm về chất lượng quy hoạch, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch và đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo quy định.

- Đình chỉ ngay các hành vi vi phạm quy hoạch đã được phê duyệt, thực hiện các biện pháp xử lý hoặc đề xuất biện pháp xử lý với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Đổi mới cơ chế, chính sách huy động, phân bổ, sử dụng vốn đầu tư

a) Thực hiện quyết liệt, hiệu quả tái cơ cấu đầu tư công:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

+ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách phân cấp, quản lý đầu tư công. Xây dựng, trình ban hành Luật Đầu tư công theo hướng thống nhất quản lý các loại vốn đầu tư nhà nước, bao gồm vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, tín dụng đầu tư của Nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong sử dụng vốn đầu tư nhà nước, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ nợ công, bảo đảm trong giới hạn an toàn và giữ vững an ninh tài chính quốc gia.

+ Thực hiện quyết liệt, nhất quán, hiệu quả kế hoạch đầu tư trung hạn; trong đó tập trung vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án, công trình trọng điểm, quan trọng quốc gia; dành một phần thỏa đáng vốn ngân sách nhà nước để tham gia các dự án hợp tác công - tư, vốn đối ứng ODA và kinh phí giải phóng mặt bằng. Đối với những dự án quan trọng quốc gia có hiệu quả cao và tác động lan tỏa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội trong vùng, liên vùng, khuyến khích thực hiện theo các hình thức đầu tư kết hợp công - tư (PPP, BOT, BT, BO,…) hoặc phát hành trái phiếu, tăng cường huy động và bảo đảm cân đối đủ vốn để triển khai thực hiện.

+ Không phân bổ và thực hiện đầu tư mới vào các ngành, lĩnh vực mà khu vực tư nhân có khả năng và sẵn sàng đầu tư kinh doanh như các dịch vụ thương mại,

khách sạn, nhà hàng, kinh doanh bất động sản, lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và một số ngành, lĩnh vực khác.

+ Xây dựng và áp dụng quy trình hợp lý, chặt chẽ và có hiệu quả về xác định, thẩm định, lựa chọn, phân bổ vốn đầu tư và thực hiện dự án đầu tư nhà nước; chỉ lựa chọn những dự án đáp ứng tiêu chí về hiệu quả kinh tế - xã hội; tập trung bố trí đủ vốn đầu tư thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách; khắc phục hiệu quả tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, thiếu đồng bộ và kém hiệu quả.

+ Thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa thông tin về đầu tư; tăng cường thẩm quyền và năng lực của hệ thống giám sát đối với đầu tư công, khuyến khích và tạo điều kiện cho hoạt động giám sát của cộng đồng đối với các dự án đầu tư công, hoạt động đầu tư công. Tăng cường chấp hành pháp luật, cơ chế chính sách, nâng cao trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát trong đầu tư công.

- Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương thực hiện rà soát và lựa chọn các dự án giao thông quan trọng quốc gia ưu tiên đầu tư và bố trí đủ vốn đảm bảo hoàn thành trong thời hạn sớm nhất; trường hợp cân đối không đủ số vốn cần thiết, thì nghiên cứu áp dụng các hình thức đầu tư kết hợp công - tư (PPP, BT, BOT, BO,…) hoặc phát hành trái phiếu để huy động vốn đầu tư; rà soát, cắt giảm, đình hoãn các dự án chưa bố trí được vốn hoặc không chuyển đổi để thực hiện đầu tư theo các hình thức khác.

- Các Bộ, cơ quan, địa phương theo trách nhiệm, thẩm quyền chịu trách nhiệm rà soát lại tất cả các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý, kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và chương trình đã được phê duyệt; chỉ được quyết định đầu tư khi dự án đã được lựa chọn theo đúng quy trình và thứ tự ưu tiên, đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối, bố trí đủ vốn hoàn thành dự án đầu tư ở từng cấp ngân sách.

b) Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực, chế độ ưu đãi, khuyến khích đầu tư, cơ chế quản lý đầu tư, mở rộng cơ hội thu hút đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư nước ngoài

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ quản lý ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương:

- Xác định và công bố danh mục các dự án hạ tầng khả thi, có khả năng thu hồi vốn, xác định cơ chế chính sách đặc thù cho từng dự án cho giai đoạn 2013 - 2015 và các năm tiếp theo để thu hút, huy động tư nhân đầu tư phát triển hạ tầng theo các hình thức đầu tư kết hợp công - tư thích hợp (PPP, BT, BOT, BO,…).

- Ban hành cơ chế đấu thầu quyền thăm dò và khai thác các loại khoáng sản, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất đối với các dự án phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo sử dụng khoáng sản, đất đai, tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

- Quy định cụ thể điều kiện để nhà đầu tư được giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án phát triển kinh tế, xã hội; có chế tài đồng bộ, cụ thể để xử lý nghiêm, dứt điểm các trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, nhưng sử dụng lãng phí, không đúng mục đích, đầu cơ đất, chậm đưa đất vào sử dụng; không bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, giá trị đã đầu tư vào đất đối với các trường hợp bị thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.

- Bổ sung, thay đổi danh mục ngành, nghề khuyến khích đầu tư theo hướng chỉ bao gồm các ngành nghề ưu tiên phát triển đã được xác định phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành và cơ cấu nội bộ ngành kinh tế - kỹ thuật; thực hiện ưu đãi đầu tư như nhau đối với dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng, đầu tư nâng cấp trong các ngành, nghề khuyến khích đầu tư.

- Thực hiện chế độ ưu đãi và khuyến khích đầu tư đủ lớn về quy mô, đa dạng về công cụ và hình thức để thúc đẩy, hỗ trợ và thu hút các nhà đầu tư có chất lượng cao, đảm bảo phát triển các ngành ưu tiên phát triển; các biện pháp ưu đãi đầu tư đều phải có mục tiêu, thời hạn và điều kiện ràng buộc, chế tài cụ thể, rõ ràng.

c) Tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Chỉ chấp thuận đầu tư và cấp phép xây dựng công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình có đủ các điều kiện theo quy định (địa điểm đầu tư và quy mô sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; có hiệu quả kinh tế - xã hội đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật,…). Trường hợp diện tích đất quy hoạch để đầu tư phát triển công nghiệp có hạn, không đáp ứng đủ nhu cầu của nhà đầu tư, thì ưu tiên giao đất, cho thuê đất đối với dự án thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển.

- Xây dựng quy trình hợp lý, liên thông giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư - xây dựng từ chấp thuận chủ trương đầu tư, đánh giá tác động môi trường, thẩm định và chấp thuận dự án đầu tư, thỏa thuận về giao đất, cho thuê đất,… đến cấp giấy phép xây dựng; thực hiện cơ chế dịch vụ một cửa liên thông trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

- Nâng cao thẩm quyền, tăng cường năng lực và thực hiện có hiệu quả giám sát của các Bộ, cơ quan Trung ương liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình, bảo đảm dự án đầu tư được chấp thuận đáp ứng đầy đủ tiêu chí, thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả kinh tế - xã hội; tăng cường công khai hóa thông tin và trách nhiệm giải trình của các cơ quan quản lý nhà nước hữu quan về đầu tư và các vấn đề có liên quan.

d) Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và bảo đảm chất lượng các dự án đầu tư nước ngoài

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Xây dựng và thực hiện chiến lược vận động và xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển các ngành, nghề ưu tiên phát triển, đẩy nhanh tốc độ tái cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Xây dựng tiêu chí cụ thể đánh giá, thẩm định và lựa chọn nhà đầu tư và dự án đầu tư nước ngoài nhằm đạt được các mục tiêu: thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ; có khả năng tạo ra ngoại tệ đủ bù đắp nhu cầu chi ngoại tệ của dự án, bao gồm cả chuyển vốn và lợi nhuận ra nước ngoài, góp phần giảm thâm hụt và tiến tới cân bằng cán cân thương mại; sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; tăng tỷ trọng giá trị gia tăng nội địa,...

- Xây dựng và thực hiện các gói giải pháp ưu đãi và hỗ trợ cụ thể, linh hoạt trên cơ sở đàm phán, thỏa thuận với các tập đoàn đa quốc gia để thu hút đầu tư của các tập đoàn này vào các ngành công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, xây dựng mạng sản xuất và chuỗi cung ứng nội địa liên kết với hoạt động sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia.

- Đổi mới hệ thống quản lý, vận động và xúc tiến đầu tư nước ngoài; tăng cường năng lực và hiệu lực giám sát thực hiện đầu tư sau đăng ký hoặc đã được chấp thuận. Củng cố công tác giám sát, theo dõi và quản lý thực hiện đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài bằng các giải pháp:

+ Duy trì mối liên hệ thường xuyên với các nhà đầu tư để kịp thời nắm bắt các vướng mắc, khó khăn gặp phải trong quá trình đầu tư. Cơ quan xúc tiến đầu tư phải là đầu mối một cửa, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khác đề xuất các giải pháp tháo gỡ hoặc hỗ trợ kịp thời đối với các khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư.

+ Tăng cường năng lực, xây dựng hệ thống thông tin quốc gia, thống nhất toàn quốc về đầu tư nước ngoài.

+ Giám sát thường xuyên và kịp thời phát hiện các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả các ưu đãi đầu tư, nhất là là đất đai và cơ sở hạ tầng; kịp thời thu hồi và chuyển giao các nguồn lực cho những dự án hiệu quả hơn; định kỳ đánh giá kết quả thu hút và hiệu quả kinh tế - xã hội của đầu tư nước ngoài.

+ Nâng cao năng lực quản lý và thực hiện các giải pháp chống chuyển giá ngay từ khi triển khai các công trình, dự án.

4. Tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng, trọng tâm là các ngân hàng thương mại

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương:

- Thực hiện đầy đủ, nhất quán và có hiệu quả các giải pháp theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015".

- Chỉ đạo và thực hiện các giải pháp thuộc thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật để ngăn chặn gia tăng và giảm dần nợ xấu như yêu cầu và giám sát hiệu quả việc trích lập đầy đủ quỹ dự phòng, sử dụng quỹ dự phòng, lợi nhuận và vốn chủ sở hữu để xử lý nợ xấu đối với từng tổ chức tín dụng,...

- Yêu cầu các tổ chức tín dụng khẩn trương xây dựng, trình phương án tái cơ cấu phù hợp với thực trạng cụ thể của từng tổ chức tín dụng; chỉ đạo và giám sát các tổ chức tín dụng triển khai thực hiện có hiệu quả phương án tái cơ cấu, đảm bảo đạt được các mục tiêu và định hướng tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng theo Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015" nói trên.

- Từng bước áp dụng các nguyên tắc và tiêu chí đánh giá ngân hàng theo thông lệ quốc tế. Tập trung xử lý nợ xấu, tăng cường kiểm tra, kiểm soát để nâng cao chất lượng, giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đánh giá, xác định đúng thực trạng nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng và của từng tổ chức tín dụng; trên cơ sở đó xây dựng phương án tổng thể xử lý nợ xấu nhằm làm sạch và cơ cấu lại hoạt động của các tổ chức tín dụng theo hướng lành mạnh, hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2015 giảm nợ xấu của ngân hàng thương mại nhà nước xuống dưới 3% tổng dư nợ tín dụng (theo chuẩn phân loại nợ và chuẩn mực kế toán của Việt Nam).

- Đánh giá và xác định đầy đủ thực trạng sở hữu chéo hiện nay trong hệ thống các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính; thực hiện các giải pháp ngăn chặn và loại trừ ảnh hưởng chi phối tiêu cực và vi phạm pháp luật của các cổ đông, nhóm cổ đông chi phối trong huy động, phân bổ và sử dụng vốn tín dụng ngân hàng; hạn chế các hành vi thâu tóm, lũng đoạn và chi phối các ngân hàng thương mại cổ phần gây rủi ro đối với từng ngân hàng và toàn hệ thống ngân hàng.

- Tăng cường công tác quản lý, cấp phép hoạt động và mở rộng mạng lưới của các ngân hàng thương mại; tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quản lý, thanh tra, giám sát đối với hoạt động ngân hàng.

- Khuyến khích, tạo điều kiện và bảo đảm việc theo đuổi và thực hành các chuẩn mực về quản trị ngân hàng, đặc biệt là quản trị rủi ro tại các tổ chức tín dụng, phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan:

- Đẩy mạnh tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm thông qua cơ cấu lại, đa dạng hóa và nâng cao chất

lượng các sản phẩm trên thị trường; cơ cấu lại các nhà đầu tư; sắp xếp lại và nâng cao năng lực tổ chức kinh doanh trên thị trường; bảo đảm chuẩn mực công bố và minh bạch hóa thông tin.

- Thực hiện các giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn và để đẩy mạnh huy động vốn qua thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

- Thực hiện giải pháp bảo vệ các nhà đầu tư nhỏ cùng với việc tăng cường hiệu lực, chế tài thực thi quy định pháp luật trên thị trường chứng khoán.

5. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; nâng cao chất lượng doanh nghiệp tư nhân

a) Thực hiện mạnh mẽ, nhất quán tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương:

+ Đôn đốc các Bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thực hiện đầy đủ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015".

+ Từ năm 2013, đăng tải công khai thông tin tổng hợp về hoạt động đầu tư của chủ sở hữu nhà nước và tình hình hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước hàng năm trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan.

+ Xây dựng Báo cáo thường niên "Thực trạng kinh doanh vốn chủ sở hữu nhà nước, bảo toàn và phát triển giá trị vốn nhà nước và tài sản sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp" trình Chính phủ, Quốc hội và tổ chức công bố theo thẩm quyền từ năm 2013 theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện đầy đủ và triệt để Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015", Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đổi mới quản trị doanh nghiệp theo thông lệ kinh tế thị trường.

- Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước căn cứ yêu cầu và điều kiện cụ thể chủ động xây dựng, thực hiện đề án tái cơ cấu nâng cao năng suất, hiệu quả sử dụng vốn, tài sản, nâng cao năng lực cạnh tranh của cả doanh nghiệp và sản phẩm trên các mặt:

+ Tái cơ cấu danh mục ngành nghề kinh doanh và đầu tư, tập trung vào các ngành, nghề chính có năng lực phù hợp và lợi thế cạnh tranh.

+ Tái cơ cấu vốn và tài sản, củng cố và tăng cường tính bền vững tài chính của doanh nghiệp, đối phó có hiệu quả với các biến động bất lợi của thị trường.

+ Tái cơ cấu, đổi mới quy trình sản xuất, đổi mới đa dạng hóa và khác biệt hóa sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm.

+ Tái cơ cấu, đổi mới tổ chức quản lý, đổi mới và tăng cường hiệu lực quản trị nội bộ.

+ Tái cơ cấu thị trường, vừa giữ vững vị trí cạnh tranh ở thị trường truyền thống, vừa phát triển các thị trường mới, chú ý tận dụng tối đa các cơ hội của thị trường trong nước.

+ Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu.

b) Thực hiện các chương trình quốc gia về phát triển, nâng cao chất lượng các doanh nghiệp dân doanh

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường chỉ đạo, bảo đảm thực hiện hiệu quả các chương trình quốc gia về phát triển, nâng cao chất lượng các doanh nghiệp dân doanh, bao gồm: Chương trình hỗ trợ đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chương trình đào tạo và nâng cao năng lực quản lý cho các chủ sở hữu và người quản lý doanh nghiệp; Chương trình hỗ trợ nâng cao hiệu lực quản trị công ty; Chương trình hỗ trợ nâng cao chất lượng sản phẩm (với các dịch vụ tuyên truyền, giới thiệu và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, dịch vụ thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá và chứng nhận chất lượng sản phẩm dịch vụ,...); Chương trình hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, kết nối trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức dịch vụ phát triển kinh doanh với các doanh nghiệp nhỏ và vừa,…

- Các Bộ, cơ quan, địa phương tăng cường chỉ đạo, bảo đảm thực hiện hiệu quả, thiết thực Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; nâng cao ý thức tiêu dùng hàng Việt Nam và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Đổi mới mô hình phát triển doanh nghiệp

Từng bước đổi mới và chuyển đổi mô hình phát triển doanh nghiệp dựa trên các trụ cột gồm: thị trường và sản phẩm mục tiêu, khoa học công nghệ, nhân lực, vốn và đất đai.

6. Thực hiện hiệu quả các chương trình đồng bộ hỗ trợ phát triển các cụm sản xuất liên ngành; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, nâng cao hiệu quả và liên kết giữa các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế

a) Thực hiện hiệu quả các chương trình đồng bộ hỗ trợ phát triển các cụm sản xuất liên ngành

Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Thực hiện các chương trình đồng bộ hỗ trợ phát triển các cụm sản xuất liên ngành đối với các sản phẩm ưu tiên phát triển với sự chỉ đạo tập trung, thống nhất

từ Trung ương về mục tiêu, nguồn lực, cơ chế và cách thức thực hiện, theo dõi, đánh giá và bổ sung, điều chỉnh,... nhằm tăng hàm lượng khoa học, công nghệ, tăng tỷ lệ giá trị nội địa và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Có cơ chế, chính sách phù hợp, đặc biệt là các ưu đãi về thuế và các giải pháp hỗ trợ khác để tập trung phát triển mạng sản xuất và chuỗi cung ứng các sản phẩm cụ thể được ưu tiên phát triển.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp chính sách theo hướng phối hợp và kết hợp các chính sách có liên quan để hỗ trợ những công đoạn cần thiết nhất, đảm bảo kết nối được tất cả các công đoạn và các bên có liên quan trong chuỗi sản xuất, kết nối doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài, kết nối sản xuất trong nước với mạng sản xuất và chuỗi cung ứng toàn cầu; trong đó tập trung vào các lĩnh vực: cải cách, đơn giản hoá thủ tục hành chính; hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ; khuyến khích, ưu đãi và xúc tiến đầu tư; xúc tiến thương mại và hỗ trợ xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm; phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng chuyên biệt, hạ tầng ngoài các khu công nghiệp; dịch vụ thu thập, tập hợp và cung cấp thông tin thị trường; hỗ trợ đào tạo kỹ năng lao động, nâng cao chất lượng nhân lực phù hợp với yêu cầu của các công đoạn trong chuỗi sản xuất; xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, các tiêu chuẩn môi trường theo ngành hoặc theo tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp dịch vụ thẩm định, đánh giá và xác nhận tiêu chuẩn, quy chuẩn để kết nối có hiệu quả những công đoạn sản xuất trong chuỗi giá trị; cung cấp dịch vụ thí nghiệm, thử nghiệm các sản phẩm mới,…

- Thực hiện các biện pháp hỗ trợ đa dạng, linh hoạt phù hợp với điều kiện và yêu cầu cụ thể của từng bộ phận trong mạng sản xuất và lợi ích của các bên có liên quan; kết nối có hiệu quả các sản phẩm thượng nguồn và các sản phẩm hạ nguồn tạo thành chuỗi cung ứng giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ.

- Kết hợp, phối hợp và lồng ghép chính sách phát triển ngành với chính sách phát triển vùng; hình thành mối liên kết giữa các địa phương trong vùng thông qua các liên kết ngành.

b) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, nâng cao hiệu quả và liên kết giữa các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế

Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Rà soát, thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển từng ngành, từng vùng kinh tế, liên kết ngành, liên kết vùng.

- Tập trung chỉ đạo tái cơ cấu sản xuất, ưu tiên phát triển những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, áp dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

- Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp có giá trị gia tăng cao.

- Thực hiện các biện pháp đồng bộ để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực giá trị gia tăng cao, công nghệ cao, các ngành có lợi thế so sánh.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ; khuyến khích đầu tư phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế và giá trị gia tăng cao như du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, hàng không, tài chính, ngân hàng, phân phối, logistic,…

- Rà soát kỹ, thực hiện các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao,…

7. Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng quy mô, hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và bền vững kết hợp với xây dựng nông thôn mới

Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng miền; duy trì 3,8 triệu ha đất trồng lúa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; bảo đảm thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển xanh và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; loại bỏ các dự án treo, hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, đảm bảo sử dụng có hiệu quả và bền vững đất đai, tài nguyên và khoáng sản.

- Rà soát, đánh giá lại quy hoạch rừng, duy trì hợp lý diện tích rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, đổi mới cơ chế và tổ chức quản lý rừng theo hướng nâng cao quyền tự chủ cho các hộ gia đình và doanh nghiệp, chuyển đổi số diện tích rừng còn lại sang phát triển vùng rừng nguyên liệu tập trung, phát triển và khai thác rừng một cách có hiệu quả, bền vững nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động lâm nghiệp.

- Rà soát, quy hoạch và quản lý vùng nuôi an toàn môi trường, an toàn thực phẩm; điều tra ngư trường, phân tích nguồn, trữ lượng hải sản và giám sát mức độ đánh bắt, bảo vệ nguồn lợi và môi trường.

- Tăng hợp lý tỷ trọng vốn đầu tư của ngân sách nhà nước phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển dịch vụ khuyến nông, đào tạo phát triển sinh kế, nâng cao chất lượng sống của nhân dân và cộng đồng; khuyến khích sáng kiến và sự tham gia của các thành phần kinh tế vào phát triển nông thôn. Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản (bao gồm các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản) theo hướng hiện đại, chế biến tinh, chế biến sâu; giảm dần và tiến tới hạn chế xuất khẩu nông sản thô.

- Thúc đẩy, tạo thuận lợi về thể chế và các hình thức đa đạng, linh hoạt để nông dân, hộ gia đình góp giá trị quyền sử dụng đất cùng doanh nghiệp (mà có thể cho phép không làm thay đổi địa vị pháp lý về quyền tài sản của người nông dân đối với đất đã góp) nhằm tập trung, tích tụ ruộng đất cho tổ chức sản xuất nông nghiệp quy mô lớn với kỹ thuật và quy trình sản xuất hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo chuẩn mực quốc tế.

- Phát triển và đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ khuyến nông, giúp nông dân thay đổi và nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thất thoát sau thu hoạch, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, qua đó, từng bước hình thành mạng sản xuất và chuỗi cung ứng kết nối sản xuất, chế biến, phân phối và bán sản phẩm; kết nối công nghiệp phục vụ nông nghiệp với sản xuất nông nghiệp, kết nối "bốn nhà" trong mạng sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu trên cùng địa bàn.

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, tiếp tục cải thiện chất lượng sống ở nông thôn thông qua:

+ Tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn, kết nối các làng xã đến thị trấn, trung tâm tỉnh, thành phố.

+ Phát triển các khu đô thị nhỏ, các cụm dân cư với cách thức tổ chức cuộc sống tương tự như dân cư thành thị.

+ Nâng cấp, phát triển cả về quy mô và chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, nhất là cấp huyện; tuyên truyền, thuyết phục để khôi phục niềm tin của người dân vào chất lượng các dịch vụ y tế tuyến cơ sở bằng các kết quả thiết thực.

+ Hỗ trợ, đầu tư tập trung và đồng bộ (cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề, chương trình, giáo trình, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề,…) theo các nghề trọng điểm đã được quy hoạch đối với các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề.

+ Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa, chuyển đổi các làng nghề có điều kiện thành các điểm du lịch, kết nối các tuyến du lịch trong vùng và giữa các vùng lân cận.

+ Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do lối sản xuất thủ công truyền thống, công nghệ thấp ở các làng nghề; xử lý có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường từ rác thải, chất thải do hoạt động trồng trọt, chăn nuôi ở khu vực nông thôn.

8. Phát huy lợi thế của từng vùng, chuyển đổi và hình thành cơ cấu vùng kinh tế hợp lý, đa dạng về ngành, nghề và trình độ phát triển

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao

- Tập trung đầu tư hoàn thành kết cấu hạ tầng đồng bộ; chủ động xúc tiến đầu tư, lựa chọn các nhà đầu tư và dự án đầu tư có chất lượng cho phát triển khu công nghệ cao tại các thành phố lớn, trước hết là thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

- Ưu tiên tập trung đầu tư phát triển các khu kinh tế ven biển, bao gồm: Khu kinh tế Chu Lai - Dung Quất, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng; khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh; khu kinh tế đảo Phú Quốc và cụm đảo Nam An Thới, tỉnh Kiên Giang; đồng thời, xem xét tập trung phát triển một số khu kinh tế cửa khẩu.

- Rà soát, đánh giá lại Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên toàn quốc theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, thực hiện bổ sung, sửa đổi phù hợp theo hướng:

+ Xây dựng và phát triển các khu công nghiệp cụ thể bảo đảm phù hợp và thống nhất với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng và cả nước; có mục tiêu và định hướng về bố trí ngành và sản phẩm một cách rõ ràng, đảm bảo phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch điểm dân cư, quy hoạch sử dụng tài nguyên, giá cả lao động và yêu cầu về bảo vệ môi trường của từng khu vực.

+ Các khu công nghiệp phải đảm bảo tự cung cấp hoặc gắn kết hữu cơ với các khu dân cư, thành phố, khu đô thị với các điều kiện sinh hoạt hiện đại, các loại dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở, vui chơi, giải trí đa dạng,..., bảo đảm phục vụ đời sống của người lao động.

+ Các khu công nghiệp tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng tập trung thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, sử dụng nhiều vốn, có hiệu suất đầu tư trên một đơn vị diện tích đất và lao động ở mức cao, ít gây ô nhiễm môi trường. Xem xét chuyển một số khu công nghiệp hiện có thành khu công nghiệp chuyên ngành liên hoàn kết nối mạng công nghiệp hỗ trợ cung ứng các sản phẩm thượng nguồn, trung gian để phát triển một số ngành ưu tiên phát triển tại các vùng kinh tế trọng điểm; chuyển dần các dự án đầu tư, các nhà máy sản xuất công nghệ thấp, sử dụng nhiều lao động sang các vùng khác hoặc các địa phương kém phát triển hơn trong vùng kinh tế.

- Xây dựng thể chế, cơ chế hợp lý phát triển vùng kinh tế trọng điểm kết hợp với thực hiện các chương trình quốc gia về phát triển các ngành ưu tiên phát triển,

các chương trình hỗ trợ, nâng cao chất lượng doanh nghiệp. Tăng cường công tác chỉ đạo điều phối các vùng kinh tế trọng điểm, bảo đảm phát huy lợi thế của từng vùng, của từng địa phương trong từng vùng và tăng cường liên kết giữa các ngành, lĩnh vực trong từng vùng, từng địa phương trong vùng và giữa các vùng kinh tế trọng điểm.

b) Ủy ban nhân dân các các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chủ động, sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương trên cơ sở phát huy lợi thế riêng có của địa phương, của từng vùng; đồng thời, thiết lập cơ chế phối hợp phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương, khắc phục tình trạng cạnh tranh không lành mạnh hoặc sao chép cơ cấu kinh tế và đầu tư theo phong trào.

- Thực hiện phối hợp và hợp tác giữa các địa phương trong vùng một cách có hiệu quả với các hình thức và nội dung thích hợp như: Phối hợp và hợp tác nghiên cứu xác định các lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của từng địa phương và của cả vùng kinh tế; trao đổi thông tin và phối hợp nghiên cứu xây dựng và triển khai quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương, quy hoạch phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp và các quy hoạch phát triển khác; trao đổi thông tin, phối hợp thẩm định và lựa chọn các dự án đầu tư quan trọng, dự án có tác động liên quan đến các địa phương khác trong vùng; hợp tác, phối hợp xây dựng và phát triển mạng sản xuất quy mô vùng kinh tế.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cùng một vùng kinh tế phải lấy kiến của các địa phương khác trong vùng về dự thảo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch phát triển khác và phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ, cơ quan liên quan về phối hợp phát triển kinh tế vùng trước khi trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

- Tổ chức giao ban định kỳ sáu tháng hoặc đột xuất để thông báo, chia sẻ thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của vùng, các vấn đề phát sinh cần giải quyết và khả năng, cơ chế và công cụ phối hợp thúc đẩy phát triển kinh tế của từng địa phương nói riêng và của toàn vùng nói chung.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các vùng dân tộc thiểu số, các vùng biên giới, hải đảo.

- Củng cố, nâng cao vai trò, thẩm quyền và tính chuyên trách của Ban Chỉ đạo phát triển vùng thành cơ quan điều phối phát triển vùng kinh tế.

9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tạo điều kiện thuận lợi cho tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng

a) Tăng cường đào tạo nghề theo nhu cầu thực tế của thị trường và yêu cầu, địa chỉ cụ thể của người sử dụng lao động

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan:

- Xây dựng khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia; xây dựng các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề phổ biến; ban hành danh mục nghề bắt buộc phải qua đào tạo; có chính sách, cơ chế và hướng dẫn cụ thể để các trường, trung tâm và tổ chức dạy nghề thực hiện đào tạo nghề theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; tiếp nhận, chuyển giao các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề, chương trình đào tạo và công nghệ đào tạo từ các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới để áp dụng đào tạo cho các nghề trọng điểm cấp độ khu vực và quốc tế.

- Thực hiện đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề không phân biệt hình thức sở hữu theo nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp; ưu tiên đặt hàng các nghề nặng nhọc, độc hại, nghề mà thị trường có nhu cầu nhưng khó tuyển sinh, các nghề có chi phí đào tạo cao và các nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành ưu tiên phát triển và công nghiệp hỗ trợ. Khuyến khích, tạo thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện theo lộ trình việc phân bổ chi ngân sách nhà nước cho hoạt động dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề công lập theo kết quả đầu ra, theo mức độ thỏa mãn yêu cầu của học viên và của người sử dụng lao động,… Mở rộng áp dụng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề (không phân biệt hình thức sở hữu) từ nguồn ngân sách nhà nước; nghiên cứu việc chuyển một số cơ sở dạy nghề công lập thành đơn vị cung cấp dịch vụ công, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tự bù đắp chi phí và hoạt động theo mô hình doanh nghiệp xã hội.

- Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường lao động, nâng cao năng lực dự báo, kế hoạch hóa nguồn nhân lực dựa trên các tín hiệu của thị trường.

- Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 70% vào năm 2020; khuyến khích khu vực tư nhân, doanh nghiệp tham gia dạy nghề; khuyến khích doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp quy mô lớn, tự đào tạo lao động phục vụ nhu cầu của bản thân, các doanh nghiệp bạn hàng, đối tác, các doanh nghiệp có liên quan khác.

b) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, nhất là cán bộ kỹ thuật, công nghệ và quản lý cho các ngành ưu tiên phát triển

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan:

- Thực hiện định kỳ đào tạo lại, cập nhật, nâng cao phẩm chất, năng lực và kiến thức quản lý kinh tế vĩ mô cho cán bộ chủ chốt, nhất là người đứng đầu của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng và Đoàn thể, doanh nghiệp.

- Thực hiện đào tạo nghề trình độ cao theo tiêu chuẩn quốc tế phổ biến, hình thành đội ngũ lao động có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước; đảm nhận và thay thế dần các vị trí công việc mà hiện nay chuyên gia nước ngoài đang đảm nhiệm.

- Chọn và gửi các sinh viên xuất sắc để đào tạo đại học và sau đại học theo các chương trình thích hợp tại các trường đại học, cơ quan nghiên cứu hàng đầu trên thế giới, góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành ưu tiên phát triển.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu đào tạo, nâng cao trình độ và kỹ năng của người lao động (bao gồm cả các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật và quản lý các cấp) theo nhu cầu thực tế của phát triển sản xuất kinh doanh trong các ngành, nghề ưu tiên phát triển.

c) Gia tăng số lượng và chất lượng lao động nghề cho phát triển nông nghiệp và nông thôn

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương:

- Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao các kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho các hộ nông dân; nhân rộng các mô hình tốt trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề cho các làng nghề, các vùng sản xuất chuyên canh, tạo cơ hội việc làm cho lao động nông thôn.

- Khuyến khích và hỗ trợ các hình thức phối hợp đa dạng giữa các trung tâm đào tạo lớn ở thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế, thành phố Cần Thơ với các địa phương khác trong đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở các vùng nông thôn, nhất là các kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của doanh nghiệp.

d) Đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục đại học

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan:

- Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục đại học theo hướng nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước, đồng thời gia tăng huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho giáo dục đại học.

- Mở rộng và nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học trong tuyển sinh, xây dựng nội dung và chương trình, phương pháp giảng dạy,...

- Xây dựng và thực thi có hiệu quả các quy định về yêu cầu, điều kiện và tiêu chí chất lượng giáo dục áp dụng đối với tất cả các trường trong cả nước.

- Nâng cao năng lực và hiệu lực kiểm tra, đánh giá và giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan có liên quan đối với chất lượng dịch vụ giáo dục đại học.

- Thực hiện đánh giá độc lập về uy tín, chất lượng và xếp hạng các trường đại học; coi đó là một trong số các tiêu chí quan trọng phân bổ chi phí từ ngân sách nhà nước cho các trường đại học.

đ) Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực

Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện đầy đủ và nhất quán Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020 theo Quyết định số 597/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Phát triển khoa học và công nghệ thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan:

- Có cơ chế, chính sách phù hợp để phát huy vay trò và coi khoa học và công nghệ là đòn bẩy của quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng cấp; kế hoạch ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, địa phương, tập đoàn và tổng công ty nhà nước.

- Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học công nghệ, trọng tâm là đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách, cơ chế đầu tư và tài chính. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng của nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đồng thời với áp dụng phương thức khoán kinh phí, mua sản phẩm khoa học và công nghệ, huy động và khuyến khích đầu tư xã hội cho khoa học công nghệ.

- Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu và phát triển tại các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp quy mô lớn, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, hỗ trợ và bảo trợ cho hoạt động khoa học và công nghệ; bắt buộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thành lập quỹ nghiên cứu và phát triển trực tiếp phục vụ cho các nhu cầu về phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ của chính doanh nghiệp.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ; thực hiện chế độ đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ khoa học và công nghệ được giao nhiệm vụ quốc gia về khoa học và công nghệ, chuyên gia đầu ngành và cán bộ khoa học và công nghệ trẻ, tài năng. Áp dụng cơ chế thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước; huy động, điều động cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao vào làm việc tại các tổ chức khoa học và công nghệ

trọng điểm. Khuyến khích và hỗ trợ cán bộ khoa học và công nghệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hợp tác với các doanh nghiệp và hộ sản xuất trong chuyển giao và đổi mới công nghệ.

- Tăng cường hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, thu hút đầu tư nước ngoài phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam. Thí điểm xây dựng một số viện nghiên cứu tiên tiến có vốn nước ngoài tại Việt Nam. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

- Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

b) Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao ưu tiên phân bố nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ, trước hết là các chương trình, đề án khoa học công nghệ quốc gia và nâng cao năng lực khoa học, công nghệ quốc gia; xây dựng một số tổ chức khoa học và công nghệ quốc gia mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm trọng điểm, sàn giao dịch công nghệ quốc gia và vùng; chú trọng nghiên cứu và phát triển công nghệ nền, công nghệ sản phẩm; ưu tiên ứng dụng các thành tựu mới về khoa học công nghệ cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh,...

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Khẩn trương xây dựng và triển khai thực hiện ngay trong nửa đầu năm 2013 Chương trình hành động tái cơ cấu theo lĩnh vực, ngành hoặc vùng lãnh thổ thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được giao; trong đó các đề án, chương trình tái cơ cấu kinh tế phải thể hiện đầy đủ các nội dung: mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng, nội dung và các giải pháp cụ thể, lộ trình thời hạn thực hiện, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện và các vấn đề liên quan; đồng thời rà soát để bổ sung các nhiệm vụ cần thiết trong chương trình xây dựng văn bản pháp luật và chương trình công tác liên quan.

b) Quán triệt, tuân thủ và thể hiện đầy đủ, nhất quán các mục tiêu, quan điểm, nội dung, các rủi ro và thách thức đối với tái cơ cấu trong các văn bản pháp luật, chính sách được phân công soạn thảo và các đề án, chương trình tái cơ cấu kinh tế cụ thể của từng Bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị cơ sở. Chủ động chỉ đạo

nghiên cứu, xây dựng, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các đề án, các văn bản pháp luật liên quan của từng Bộ, cơ quan, địa phương.

c) Thành lập Ban Chỉ đạo tái cơ cấu do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm Trưởng ban để thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện, tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền, tổng hợp, điều phối và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện tái cơ cấu của từng Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Chú trọng tăng cường phối hợp triển khai thực hiện giữa các Bộ, cơ quan, địa phương; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể, tạo sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp thực hiện tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng; tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân đoàn kết, tin tưởng và tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, giải pháp tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đồng thời tăng cường kiểm tra giám sát đối với quá trình thực hiện tái cơ cấu của các ngành, các cấp; nêu cao ý thức cộng đồng, đồng thời phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc triển khai thực hiện.

đ) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện tái cơ cấu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Hàng quý, tổ chức giao ban kiểm điểm tình hình thực hiện tái cơ cấu và xây dựng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện tái cơ cấu trong ngành, lĩnh vực và địa phương thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu, điều phối của Chính phủ về triển khai thực hiện Đề án có trách nhiệm

a) Tham mưu, tổng hợp cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và chế độ thông tin, báo cáo về triển khai thực hiện Đề án.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án; xây dựng tiêu chí giám sát tăng trưởng kinh tế theo mô hình mới. Kiểm tra, giám sát, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu kinh tế của các ngành, lĩnh - vực, địa phương, các tập đoàn và tổng công ty nhà nước; kịp thời đề xuất với các Bộ, cơ quan, địa phương hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền biện pháp xử lý đối với những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

c) Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp có thẩm quyền về tình hình triển khai, kết quả thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 và đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, các cơ quan thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan, các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp thường xuyên cung cấp thông tin, tuyên truyền về các cơ chế, chính sách, tình hình và kết quả tái cơ cấu, nhất là những biện pháp, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả cao.

4. Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp theo dõi, giám sát đảm bảo các đề án, văn bản quy phạm pháp luật phục vụ tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng được soạn thảo theo đúng tiến độ; chủ trì thẩm tra, thẩm định đảm bảo nội dung dự thảo đề án, văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với mục tiêu, quan điểm, định hướng và giải pháp tái cơ cấu thể hiện trong Quyết định này.

5. Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, các cơ quan bảo vệ pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm phát luật trong quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng